

ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG CẠNH TRANH CỦA CÁC TRANG TRẠI CHĂN NUÔI HEO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Trần Văn Hùng¹, Lê Thị Mai Hương²

¹Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp

²Trường Cao đẳng Tài chính Hải quan

TÓM TẮT

Trên cơ sở lý thuyết về đánh giá khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp trong quá trình hội nhập quốc tế, bài viết đánh giá khả năng cạnh tranh của các trang trại chăn nuôi heo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai dựa trên bảy tiêu chí đánh giá. Với nguồn dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các cơ quan ban ngành và nguồn dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua việc khảo sát trực tiếp các trang trại chăn nuôi heo trên địa bàn nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các trang trại chăn nuôi heo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có khả năng cạnh tranh còn thấp trước yêu cầu hội nhập quốc tế. Do đó, đòi hỏi các trang trại chăn nuôi heo phải phát huy những thế mạnh vốn có nhằm gia tăng khả năng cạnh tranh.

Từ khóa: Đồng Nai, hội nhập quốc tế, năng lực cạnh tranh, trang trại chăn nuôi heo.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hội nhập quốc tế đang là xu thế tất yếu trong giai đoạn hiện nay. Đây là cơ hội để các quốc gia có thể tận dụng và phát huy những lợi thế so sánh vốn có của mình nhằm duy trì và thúc đẩy sự tăng trưởng bền vững của nền kinh tế. Tuy nhiên, hội nhập quốc tế cũng tạo ra sự cạnh tranh gay gắt do những cam kết giữa các quốc gia. Điều này cho thấy tăng cường khả năng cạnh tranh là việc mà mỗi doanh nghiệp đều cố gắng thực hiện. Trong cơ chế thị trường hiện nay tăng khả năng cạnh tranh là một đòi hỏi khách quan đặc biệt trong bối cảnh với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật. Thực chất tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp là việc doanh nghiệp cố gắng tạo ra ngày càng nhiều hơn các ưu thế trên tất cả các mặt để có thể chiếm lĩnh được thị trường như: giá cả, chất lượng, nhãn hiệu, uy tín... Khi đó, doanh nghiệp phải áp dụng tổng hợp các biện pháp khác nhau như cắt giảm chi phí sản xuất để hạ giá thành sản phẩm, hạ giá bán sản phẩm, áp dụng công nghệ tiên tiến hiện đại trong sản xuất sản phẩm để nâng cao chất lượng, nâng cao trình độ đội ngũ lao động... Hay có thể nói rộng hơn là việc tăng cường khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp là sự

thay đổi mối tương quan về thế và lực của doanh nghiệp trên tất cả các mặt của quá trình sản xuất kinh doanh nhằm đạt được lợi thế cao nhất trong kinh doanh. Trong đó, các trang trại chăn nuôi heo ở Việt Nam nói chung và của tỉnh Đồng Nai nói riêng cũng không nằm ngoài quy luật cạnh tranh này.

Dựa trên khung lý thuyết về đánh giá khả năng cạnh tranh đáp ứng yêu cầu hội nhập của các trang trại, bài viết đánh giá khả năng cạnh tranh của các trang trại chăn nuôi heo ở Đồng Nai theo hướng hội nhập theo bảy tiêu chí. Qua đó, đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng được những yêu cầu đặt ra của quá trình hội nhập quốc tế đối với các trang trại chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

II. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là khả năng đáp ứng yêu cầu hội nhập của các trang trại chăn nuôi heo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2.2. Cơ sở lý thuyết về đánh giá khả năng cạnh tranh đáp ứng yêu cầu hội nhập

Theo Michael E. Porter cho rằng lợi thế cạnh tranh được hiểu là những nguồn lực, lợi thế của ngành, quốc gia mà nhờ có chúng các

doanh nghiệp kinh doanh trên thị trường quốc tế tạo ra một số ưu việt vượt trội hơn so với các đối thủ cạnh tranh trực tiếp. Bốn yếu tố tạo nên năng lực cạnh tranh: hiệu quả, chất lượng, sự cải tiến và sự đáp ứng khách hàng. Randall cho rằng khả năng cạnh tranh là khả năng giành được và duy trì thị phần trên thị trường với lợi nhuận nhất định. Trong khi đó thì Dunning có ý kiến cho rằng khả năng cạnh tranh là khả năng cung ứng sản phẩm của chính doanh nghiệp trên các thị trường khác nhau mà không phân biệt nơi bố trí sản xuất của chính doanh nghiệp đó.

Tác giả Lê Xuân Bá (2007) nghiên cứu khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế và Nguyễn Thị Huyền Trâm (2015) nghiên cứu nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam trong thời kỳ hội nhập đã nêu các tiêu chí phản ánh khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp trong quá trình hội nhập quốc tế bao gồm: (1) Khả năng duy trì và mở rộng thị phần; (2) Khả năng cạnh tranh của sản phẩm; (3) Khả năng duy trì và nâng cao hiệu quả kinh doanh; (4) Năng suất các yếu tố sản xuất; (5) Khả năng thích ứng và đổi mới; (6) Khả năng thu hút nguồn lực và (7) Khả năng liên kết và hợp tác. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, khả năng duy trì và mở rộng thị phần: chỉ tiêu này gồm hai thành phần:

(1) Doanh nghiệp nào có thị phần lớn hơn thì năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp đó cũng lớn hơn. Tiêu chí này thường được đo bằng tỷ lệ doanh thu hay số lượng sản phẩm tiêu thụ trên thị trường.

(2) Tốc độ tăng thị phần của doanh nghiệp: Chỉ tiêu này phản ánh sự thay đổi đầu ra của DN theo thời gian.

Thứ hai, khả năng cạnh tranh của sản phẩm: Đây là chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Năng lực cạnh tranh của sản phẩm dựa trên các thành phần:

(1) Chất lượng cao: là một chỉ tiêu tổng hợp gồm các nhóm chỉ tiêu thành phần: các chỉ tiêu

kinh tế, các chỉ tiêu kỹ thuật, các chỉ tiêu về thẩm mỹ, tiện dụng...

(2) Giá cả hợp lý: Chỉ tiêu này thường được xác định trên cơ sở so sánh giá của các hàng hóa cùng loại hoặc tương đương. Nếu có sự khác biệt về chất lượng thì giá cả được đặt trong sự so sánh với lợi ích do hàng hóa mang lại, độ bền, thẩm mỹ...

(3) Mẫu mã hợp thời.

(4) Đáp ứng nhu cầu khách hàng: chỉ tiêu thể hiện việc cung cấp cho khách hàng đúng hàng hóa, đúng thời điểm với mức giá hợp lý. Nó là một chỉ tiêu định tính phản ánh khả năng kinh doanh, uy tín của doanh nghiệp.

(5) Dịch vụ đi kèm: bao gồm việc hướng dẫn sử dụng, các dịch vụ hậu mãi (bảo trì, bảo hành...).

Thứ ba, khả năng duy trì và nâng cao hiệu quả kinh doanh: Tiêu chí này thể hiện qua một số chỉ tiêu như:

(1) Tỷ suất lợi nhuận: là một chỉ tiêu tổng hợp được tính bằng trị số tuyệt đối;

(2) Chi phí trên một đơn vị sản phẩm.

Thứ tư, năng suất các yếu tố sản xuất: Các chỉ tiêu liên quan đến năng suất gồm có: năng suất lao động, hiệu suất sử dụng vốn, năng suất yếu tố tổng hợp... Năng suất phản ánh lượng sản phẩm đầu ra so với đơn vị yếu tố đầu vào, là chỉ tiêu phản ánh năng lực khai thác, sử dụng các yếu tố sản xuất của doanh nghiệp. Đồng thời, chỉ tiêu này còn phản ánh năng lực đáp ứng yêu cầu của khách hàng, chi phí trên đơn vị sản phẩm và đơn vị thời gian.

Thứ năm, khả năng thích ứng và đổi mới: Doanh nghiệp phải thích ứng với sự thay đổi của thị trường trong nước và quốc tế (sở thích, nhu cầu, chất lượng, mẫu mã...) và môi trường kinh doanh như chính sách của Nhà nước, sự thay đổi của đối tác kinh doanh, đối thủ cạnh tranh. Chỉ tiêu này được xác định bởi một số chỉ tiêu thành phần như: số lượng cải tiến, sáng tạo sản phẩm, cải tiến quy trình sản xuất, cải tiến kỹ thuật...

Thứ sáu, khả năng thu hút nguồn lực: Khả

năng thu hút nguồn lực không chỉ nhằm đảm bảo cho điều kiện để hoạt động sản xuất kinh doanh được tiến hành bình thường mà còn thể hiện năng lực cạnh tranh thu hút đầu vào của doanh nghiệp. Đây là điều kiện để đảm bảo năng lực cạnh tranh trong dài hạn.

Thứ bảy, khả năng liên kết và hợp tác: Khả năng liên kết hợp tác là tiền đề cho hoạt động kinh doanh hiệu quả, đồng thời đây cũng là một tiêu chí định tính của năng lực của doanh nghiệp. Tiêu chí này thể hiện qua chất lượng và số lượng các mối quan hệ với đối tác, các liên doanh, hệ thống mạng lưới kinh doanh theo lãnh thổ.

Do đó, dựa trên khung lý thuyết về đánh giá khả năng cạnh tranh đáp ứng yêu cầu hội nhập, trước những yêu cầu đặt ra của quá trình hội nhập quốc tế đối với các trang trại chăn nuôi heo của tỉnh Đồng Nai, nhằm đánh giá khả năng cạnh tranh của các trang trại có thể đáp ứng được những yêu cầu này hay không dựa theo các tiêu chí cụ thể như sau: khả năng duy trì và mở rộng thị phần; khả năng cạnh tranh của sản phẩm; khả năng duy trì và nâng cao hiệu quả kinh doanh; năng suất các yếu tố sản xuất; khả năng thích ứng và đổi mới; khả năng thu hút nguồn lực; khả năng liên kết và hợp tác.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Phương pháp thu thập dữ liệu nghiên cứu

Các dữ liệu thứ cấp sẽ được thu thập từ các báo cáo tổng kết, điều tra thống kê của các cơ quan khác nhau như Chi cục Thống kê tỉnh Đồng Nai, số liệu thống kê các huyện, thị trong tỉnh, các số liệu nghiên cứu tạp chí chuyên ngành và từ các website.

Số liệu sơ cấp sẽ được thu thập thông qua điều tra, phỏng vấn các chủ trang trại chăn nuôi heo theo bảng câu hỏi được chuẩn bị sẵn. Phạm vi điều tra là các trang trại chăn nuôi heo trên phạm vi toàn tỉnh Đồng Nai. Với số phiếu điều tra là 220 trang trại (tổng số 1.388 trang

trại có 1.260 trại kiểu chuồng hở và 126 trại kiểu chuồng kín) chăn nuôi heo ở Đồng Nai được tiến hành thu thập theo phương pháp điều tra chọn mẫu, sau đó số mẫu được chọn ngẫu nhiên theo tỷ lệ đại diện cho các mô hình trang trại chăn nuôi. Với cách thức điều tra là phỏng vấn trực tiếp các trang trại chăn nuôi nhằm thu thập thông tin theo bảng hỏi thiết kế sẵn bao gồm thông tin về đặc điểm của hộ nông dân như giới tính, kinh nghiệm chăn nuôi, trình độ văn hóa, kiến thức nông nghiệp... Các đầu vào bao gồm: lao động, con giống, vốn, số lượng thức ăn, thuốc thú y, diện tích nuôi, mô hình chăn nuôi (chuồng kín, chuồng hở), đầu ra bao gồm: sản lượng chăn nuôi heo, lượng tăng trọng heo hơi/tháng nuôi/đầu heo, thu nhập trang trại, giá bán heo...

2.3.2. Phương pháp xử lý và phân tích số liệu

Sử dụng phần mềm Excel để xử lý số liệu, kết hợp với các bảng biểu đồ thị nhằm phân tích đánh giá đối tượng nghiên cứu.

Các phương pháp chủ yếu được sử dụng trong nghiên cứu này là phương pháp điều tra khảo sát, phương pháp thống kê mô tả kết hợp phương pháp so sánh đối chiếu, phương pháp phân tích và tổng hợp.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai hiện có 4 loại hình đơn vị tham gia đầu tư vào sản xuất chăn nuôi heo theo mô hình trang trại, đó là các công ty có vốn FDI, các hợp tác xã, các công ty cổ phần và hộ gia đình. Các trang trại chăn nuôi heo của các công ty có vốn FDI được đầu tư theo quy trình chăn nuôi hiện đại khép kín nên có nhiều ưu thế hơn các đơn vị khác. Các trang trại chăn nuôi của hợp tác xã, của các công ty cổ phần và đặc biệt là của các hộ gia đình (chiếm số lượng lớn) còn gặp nhiều khó khăn từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm. Do đó, trước những yêu cầu đặt ra của quá trình hội nhập quốc tế thì liệu các trang trại chăn nuôi heo của Đồng Nai có thể đáp ứng được những yêu cầu này hay không xét theo các tiêu chí cụ

thể như sau:

Thứ nhất, khả năng duy trì và mở rộng thị phần:

Cùng với sự tăng trưởng về mặt số lượng và quy mô, các trang trại chăn nuôi heo của tỉnh Đồng Nai đã duy trì và mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài tỉnh, sản phẩm chăn nuôi của các trang trại được tiêu thụ rộng rãi với số lượng lớn ở các thị trường ngoài tỉnh như thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Dương. Thị phần tiêu thụ ngoài tỉnh chiếm tỷ trọng hơn 78% trong tổng số sản lượng thịt heo tiêu thụ của các trang trại. Với những lợi thế vốn có, các trang trại chăn nuôi heo của Tỉnh tiếp tục duy trì và mở rộng thị phần tiêu thụ trong và ngoài tỉnh nhưng chủ yếu vẫn chỉ cung cấp cho thị trường trong nước. Tiềm năng xuất khẩu sản phẩm của các trang trại chăn nuôi heo thấp, phần lớn các sản phẩm thịt của các trang trại chăn nuôi heo ở Đồng Nai được tiêu thụ trên thị trường nội địa,

chỉ có một lượng nhỏ được xuất khẩu, hoàn toàn là sản phẩm thịt lợn. Tuy nhiên, xuất khẩu thịt của Đồng Nai còn rất bấp bênh, không ổn định và phụ thuộc chủ yếu vào thị trường các nước. Do đó, khả năng mở rộng thị phần tiêu thụ sản phẩm ở nước ngoài đối với các trang trại chăn nuôi heo của Tỉnh là rất thấp và gặp nhiều khó khăn.

Thứ hai, khả năng cạnh tranh của sản phẩm:

Thông qua việc so sánh một số chỉ tiêu trong chăn nuôi heo giữa Việt Nam nói chung và Đồng Nai nói riêng như bảng 1 cho thấy khả năng cạnh tranh của các trang trại chăn nuôi heo ở Đồng Nai so với các nước trong khu vực còn thấp, cụ thể là giá thành sản xuất trong chăn nuôi heo của Việt Nam khá cao, điều này sẽ làm giảm khả năng cạnh tranh của sản phẩm và chưa đáp ứng được yêu cầu của quá trình hội nhập quốc tế.

Bảng 1. So sánh một số chỉ tiêu trong chăn nuôi heo giữa Việt Nam và Thái Lan

Nội dung	Việt Nam	Thái Lan
Con giống chăn nuôi	Giống cao sản chủ yếu nhập khẩu từ nước ngoài	Chủ động
Năng suất sinh sản heo mẹ bình quân 1 năm	16 con	26 con
Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi	Nhập khẩu 90% từ nước ngoài (năm 2014 nhập khẩu 11,7 triệu tấn thức ăn chăn nuôi tương đương với kim ngạch nhập khẩu 4,8 tỷ USD)	Chủ động
Số lượng lao động làm việc tại trang trại chăn nuôi heo nái quy mô 1.000 con	15 - 20 người	1 người
Giá thành sản xuất 1 kg thịt heo bình quân (USD)	2,08	1,41

(Nguồn: Đoàn Xuân Trúc, 2015)

Việc sử dụng thức ăn công nghiệp và thuốc thú y trong chăn nuôi của các trang trại đã làm cho nền chăn nuôi Việt Nam nói chung và Đồng Nai nói riêng phụ thuộc quá lớn vào nguồn nguyên liệu thức ăn và nguồn dược liệu nước ngoài. Hàng năm giá trị nhập khẩu nguyên liệu thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y lên tới hàng tỷ đô la, trong khi đó giá trị xuất

khẩu sản phẩm chăn nuôi lợn, bò, gà hầu như không đáng kể. Điều này làm tăng chi phí trong chăn nuôi, tăng giá thành sản xuất heo nên khả năng cạnh tranh với các nước khác trong khu vực là khó khăn. Ngoài ra, khi chính sách bảo hộ bị dỡ bỏ, sản phẩm thịt heo của Thái Lan, Indonesia hay Malaysia có thể xuất khẩu tự do vào thị trường Việt Nam mà không

qua bất cứ rào cản nào thì sản phẩm của các trang trại chăn nuôi heo của Đồng Nai khó có thể cạnh tranh với các sản phẩm ngoại nhập này. Cụ thể, trên cơ sở các thỏa thuận đã ký kết khi Việt Nam gia nhập AEC, tính đến hết năm 2014, Việt Nam đã thực hiện cắt giảm thuế nhập khẩu về 0% cho gần 6.900 dòng thuế có xuất xứ ASEAN, chiếm khoảng 72% trong tổng số 9.558 dòng thuế nhập khẩu. Thông tư 165/2014/TT-BTC cũng quy định cụ thể lộ trình cắt giảm thuế đối với 7% số mặt hàng nhạy cảm trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2018. Qua đó, đã đảm bảo rằng, đến năm

2018, ngoại trừ danh mục 3% dòng thuế trong danh mục loại trừ, toàn bộ số dòng thuế còn lại được thực hiện cắt giảm đúng cam kết ATIGA. Từ đó cho thấy, khi Việt Nam thực hiện các cam kết gia nhập vào các tổ chức kinh tế thế giới thì sẽ tạo ra sự cạnh tranh gay gắt cho các trang trại chăn nuôi của Đồng Nai.

Thứ ba, khả năng duy trì và nâng cao hiệu quả kinh doanh:

Hiệu quả kinh doanh của các trang trại chăn nuôi heo trên địa bàn nghiên cứu được thể hiện qua bảng 2.

Bảng 2. Hiệu quả chăn nuôi heo giữa các trang trại trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tại thời điểm tháng 8/2015

Chỉ tiêu	ĐVT	FDI	HTX	Công ty Cổ phần	Hộ gia đình
Năng suất heo bq	Kg/con	95	94	94	93,5
Giá bán bq	đồng/kg	45.000	45.000	45.000	44.123
Doanh thu	đồng/con	4.275.000	4.230.000	4.230.000	4.125.501
Chi phí	đồng/con	3.792.050	3.825.205	3.838.353	3.909.732
Lợi nhuận	đồng/con	482.950	404.795	391.647	215.769
Phụ thu	đồng/con	6.432	6.118	6.213	4.852
Thu nhập	đồng/con	489.382	410.913	397.860	220.621
Lợi nhuận/Chi phí sản xuất	lần	0,13	0,11	0,10	0,06
Lợi nhuận/Doanh Thu	lần	0,11	0,10	0,09	0,05
Doanh thu/Chi phí	lần	1,13	1,11	1,10	1,06
Thu nhập/Chi phí sản xuất	lần	0,13	0,11	0,10	0,06

(Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên khảo sát thực tế, 2015)

Lợi nhuận của các trang trại chăn nuôi heo của công ty FDI cao nhất trong các trang trại chăn nuôi heo, trung bình đạt 482.950 đồng/con. Các trang trại chăn nuôi heo của công ty FDI có đầu ra ổn định nên hầu hết đều có lợi nhuận. Ngoài ra, các trang trại chăn nuôi nói chung còn có nguồn phụ thu từ biogas hoặc bán phân heo. Các trang trại chăn nuôi của hợp tác xã và của công ty cổ phần cũng có đầu ra tương đối ổn định nên nguồn thu nhập của các trang trại này ổn định. Riêng lợi nhuận của các

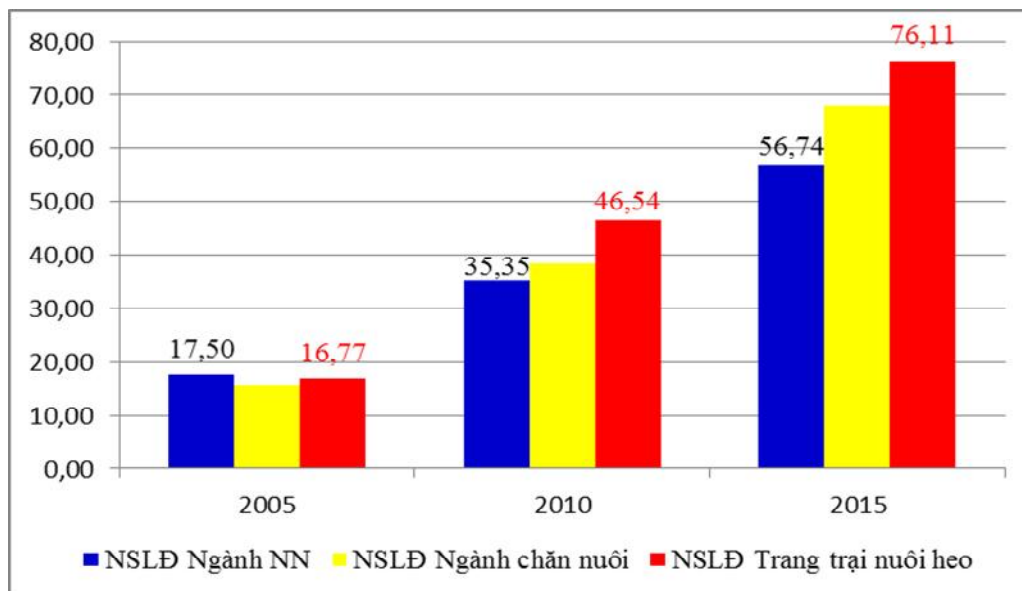
trang trại chăn nuôi heo của hộ gia đình phụ thuộc rất lớn vào giá bán sản phẩm và giá bán này biến động thường xuyên theo thị trường và còn phụ thuộc vào thương lái. Tại thời điểm tháng 8/2015 chúng tôi khảo sát thực tế giá bán heo trên thị trường dao động 44.000 – 45.000 đồng/kg, với mức giá bán này thì các trang trại có lợi nhuận bình quân 220.621 đồng/kg nhưng có điểm giá bán thấp ở mức dưới 39.000 đồng/kg dẫn đến các trang trại chăn nuôi heo của hộ gia đình sẽ bị lỗ. Qua bảng 2 còn cho

thấy các trang trại chăn nuôi của các công ty FDI có hiệu quả hơn với tỷ suất lợi nhuận và tỷ suất thu nhập là 0,13 lần, trong khi đó các trang trại chăn nuôi heo của hộ gia đình có tỷ suất lợi nhuận và tỷ suất thu nhập là 0,06 lần. Như vậy, khi bỏ ra 1 đồng chi phí thì lợi nhuận của các trang trại chăn nuôi heo FDI đạt 0,13 đồng lợi nhuận, trong khi các trang trại của nông hộ chỉ đạt 0,06 đồng lợi nhuận với điều kiện giá bán trên thị trường cao hơn chi phí như tại thời điểm nghiên cứu.

Thông qua việc tính toán các chỉ tiêu về hiệu quả sản xuất kinh doanh giữa các loại hình trang trại chăn nuôi heo như trên cho thấy các trang trại chăn nuôi heo của các công ty có vốn đầu tư FDI có lợi nhuận, các tỷ suất lợi nhuận cao nhất. Đây là mô hình chăn nuôi có hiệu quả chăn nuôi cao nhất trong các nhóm. Các trang trại chăn nuôi heo còn lại đặc biệt là của hộ gia đình có các chỉ tiêu về lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận là thấp nhất. Điều này cho thấy các trang trại này khó có khả năng đáp ứng được yêu cầu đặt ra của quá trình hội nhập quốc tế.

Thứ tư, năng suất các yếu tố sản xuất:

Năng suất lao động: Tham gia trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của các trang trại chăn nuôi heo của tỉnh Đồng Nai giúp cho người lao động nâng cao năng suất. Đây là nhân tố quan trọng góp phần làm cho giá thành sản phẩm giảm vì tiết kiệm được chi phí tiền lương cho một đơn vị sản phẩm; Năng suất lao động tăng tạo điều kiện cho việc mở rộng quy mô sản xuất, tăng tốc độ của tổng sản phẩm và thu nhập của người lao động đang làm việc tại các trang trại. Theo số liệu tính toán từ Cục Thống kê Đồng Nai cho thấy năng suất lao động của các trang trại chăn nuôi heo trên địa bàn tỉnh trong năm 2015 đạt 76,11 triệu đồng/lao động. Trong khi đó năng suất lao động của ngành chăn nuôi của tỉnh trong năm 2015 đạt 68,1 triệu đồng/lao động và năng suất lao động của ngành nông nghiệp tỉnh đạt 56,74 triệu đồng/lao động. So với năm 2010, năng suất lao động làm việc tại các trang trại chăn nuôi heo của tỉnh tăng 29,58 triệu đồng/lao động, tức tăng 77%.



(Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu của Cục Thống kê Đồng Nai)

Hình 1. Năng suất lao động của trang trại chăn nuôi heo, của ngành chăn nuôi và của ngành Nông nghiệp Đồng Nai

Mặc dù NSLĐ của các trang trại chăn nuôi heo cao hơn so NSLĐ của ngành Chăn nuôi và của ngành Nông nghiệp Tỉnh nhưng so với Thái Lan như ở bảng 1 thì năng suất lao động

của các trang trại chăn nuôi vẫn còn thấp.

Thứ năm, khả năng thích ứng và đổi mới:

Trước những yêu cầu về sự thay đổi của thị trường trong nước và quốc tế (sở thích, nhu cầu, chất lượng, mẫu mã...) và môi trường kinh doanh như chính sách của Nhà nước, sự thay đổi của đối tác kinh doanh, đối thủ cạnh tranh thì các trang trại chăn nuôi heo phải cải tiến, sáng tạo sản phẩm, cải tiến quy trình sản xuất, cải tiến kỹ thuật... Trên cơ sở phân tích thực trạng sản xuất của các trang trại chăn nuôi heo ở Đồng Nai ở các nội dung trên cho thấy các trang trại chăn nuôi heo của các công ty có vốn FDI có quy trình chăn nuôi công nghiệp hiện đại, tiên tiến, đáp ứng được những yêu cầu của thị trường. Trong khi đó, các trang trại chăn nuôi heo của hộ gia đình chủ yếu sản xuất theo mô hình bình thường, chưa áp dụng quy trình chăn nuôi tiên tiến, hiện đại, chưa áp dụng quy trình chăn nuôi nghiêm ngặt, sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu về chất lượng nên khả năng đáp ứng được yêu cầu của thị trường nước ngoài là khó khăn và ngay cả thị trường thành phố Hồ Chí Minh đang đặt ra yêu cầu về chất lượng sản phẩm thịt heo nhập từ các tỉnh trong đó có Đồng Nai. Nhìn chung, các trang trại chăn heo của Đồng Nai vẫn đang ở trong tình trạng manh mún, nhỏ lẻ; chủ trang trại, doanh nghiệp chủ yếu vẫn áp dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ chăn nuôi lạc hậu; chịu sự chi phối về nguồn nguyên liệu thức ăn chăn nuôi từ nước ngoài nên khi Việt Nam ngày

càng hội nhập sâu vào nền kinh tế khu vực và thế giới, nhất là trong bối cảnh Hiệp định Kinh tế đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) đang tiến gần hơn đến ký kết và Cộng đồng kinh tế ASEAN đã được thành lập thì các trang trại chăn nuôi này sẽ chịu nhiều tác động tiêu cực. Ngoài ra, các trang trại chăn nuôi heo của Tỉnh vẫn còn thiếu kiến thức về hội nhập, thiếu năng động và linh hoạt với thị trường, thiếu khả năng tìm kiếm thị trường tiêu thụ ngoài nước để gia tăng giá trị của sản phẩm.

Thứ sáu, khả năng thu hút nguồn lực:

Khả năng thu hút nguồn lực không chỉ nhằm đảm bảo cho điều kiện để hoạt động sản xuất kinh doanh được tiến hành bình thường mà còn thể hiện năng lực cạnh tranh thu hút đầu vào của doanh nghiệp. Các trang trại chăn nuôi heo ở Đồng Nai đều có khả năng thu hút nguồn lực như đất đai, vốn, lao động, công nghệ vào trong quá trình sản xuất. Đây là điều kiện để đảm bảo năng lực cạnh tranh trong dài hạn của các trang trại.

Để đánh giá quy mô sử dụng các nguồn lực sản xuất, chúng tôi sử dụng các chỉ tiêu về quy mô vốn, diện tích, lao động được sử dụng trong các loại hình trang trại. Từ số liệu điều tra khảo sát, chúng tôi tổng hợp và tính toán một số chỉ tiêu kinh tế cơ bản nêu trên của các mô hình trang trại chăn nuôi heo ở Đồng Nai, trên cơ sở đó có sự đánh giá, so sánh các chỉ tiêu kinh tế giữa các mô hình trang trại chăn nuôi này.

Bảng 3. Một số chỉ tiêu kinh tế cơ bản của các trang trại chăn nuôi heo tỉnh Đồng Nai tính bình quân cho 1 trang trại

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	FDI	Hợp tác xã	Công ty cổ phần	Hộ gia đình
1	Lao động	Lđ	9	3	12	2
2	Diện tích chăn nuôi	ha	4,2	3,8	4,4	0,58
3	Số lượng heo	con	13.011	456	7.802	247
4	Vốn đầu tư	Tr.đ	169.143	2.736	53.053	1.284
5	Tổng thu nhập	Tr.đ	58.679,61	2.052,91	35.140,21	1.111,50
6	Thu nhập bq /1 con heo	Tr.đ	4,51	4,502	4,504	4,5

(Nguồn: Tính toán từ khảo sát thực tế của tác giả, 2015)

Từ bảng 3 cho thấy các trang trại chăn nuôi heo của các công ty có vốn FDI có các chỉ tiêu về vốn đầu tư, số lượng heo, diện tích chăn nuôi bình quân 1 trang trại cao hơn các trang trại chăn nuôi của các đơn vị khác, vì đầu tư chăn nuôi theo mô hình khép kín nên chi phí của các trang trại chăn nuôi của mô hình này cao. Tuy nhiên, với mô hình chăn nuôi khép kín này giúp giảm lượng thức ăn chăn nuôi, tăng năng suất vật nuôi do nhiệt độ chăn nuôi thấp và hạn chế ô nhiễm môi trường. Điều này phản ánh trình độ sản xuất kinh doanh của các trang trại chăn nuôi heo của các công ty FDI ở mức cao và theo mô hình chăn nuôi công nghiệp hiện đại. Quy mô về vốn, lao động, thu nhập và số lượng heo của các trang trại chăn nuôi hộ gia đình có số lượng thấp nhất kể cả chỉ tiêu về thu nhập. Các trang trại chăn nuôi này chủ yếu dựa vào mô hình chăn nuôi cũ, theo kinh nghiệm từ trước tới nay, quy trình chăn nuôi từ con giống, nguồn thức ăn, thuốc thú y chưa được chuẩn bị tốt và hạn chế về nguồn vốn đầu tư cho chăn nuôi. Ngoài ra do có nhiều biến động về thị trường tiêu thụ đầu ra cho sản phẩm nên quy mô chăn nuôi ít được mở rộng. Từ đó cho thấy trình độ sản xuất kinh doanh của các trang trại chăn nuôi này còn thấp kém so với các trang trại khác.

Thứ bảy, khả năng liên kết và hợp tác:

Hiện nay ở Đồng Nai có hai hình thức liên kết đặc trưng trong chăn nuôi hiện nay. Đó là liên kết theo đường đi của sản phẩm từ người sản xuất đến người tiêu dùng (liên kết dọc) và liên kết các đối tượng cùng tham gia trong quá trình sản xuất kinh doanh (liên kết ngang). *Đối với mô hình liên kết dọc*, doanh nghiệp đóng vai trò nhà đầu tư, người tổ chức sản xuất, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, đảm bảo thị trường tiêu thụ. Người chăn nuôi nhận khoán theo định mức chi phí và được hỗ trợ một phần chi phí xây dựng cơ bản ban đầu, chi phí lao động và sản xuất trên đất đai của họ. Hình thức này chủ

yếu được các doanh nghiệp chăn nuôi có vốn đầu tư nước ngoài FDI đầu tư cho các trang trại. Hình thức này hiện nay phát triển mạnh ở Đồng Nai với 19,45% trang trại chăn nuôi heo trên địa bàn tỉnh chuyển sang nuôi gia công cho các công ty FDI. Các doanh nghiệp FDI có tiềm năng về vốn, cách đầu tư bài bản, chủ động từ giống đến thức ăn, thuốc thú y, kỹ thuật nên năng suất cao, giá thành hạ hơn nhiều so với các trang trại khác. Trong khi đó, các trang trại chăn nuôi heo của nông hộ không đủ vốn để đầu tư và cũng không chịu nổi sự biến động lớn của thị trường chăn nuôi (biến động giá thức ăn, giá thịt heo hơi...). Đối với hình thức liên kết này các trang trại chăn nuôi heo phụ thuộc hoàn toàn vào các doanh nghiệp FDI từ đầu vào cho đến đầu ra, không có cơ quan chức năng giám sát chủ yếu là thỏa thuận giữa hai bên nên các trang trại sẽ gặp rủi ro nếu các doanh nghiệp FDI thay đổi chính sách chăn nuôi hoặc rút vốn đầu tư. *Thứ hai*, hình thức liên kết ngang, người sản xuất và đơn vị kinh doanh (điển hình là các tổ hợp tác, hợp tác xã...) liên kết lại nhằm hỗ trợ nhau đưa hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả hơn. Điển hình như Hợp tác xã (HTX) dịch vụ chăn nuôi Đồng Hiệp (huyện Thống Nhất) với 25 trang trại chăn nuôi heo tại huyện Thống Nhất vừa ký văn bản ghi nhớ cung cấp sản phẩm thịt lợn, gà cho Công ty TNHH một thành viên Việt Nam kỹ nghệ súc sản (VISSAN). Hiện hai bên đang thống nhất số lượng cung cấp lợn hàng ngày cho phía VISSAN. Mục tiêu của việc ký kết nhằm tạo ra chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm thịt lợn sạch cho thị trường phía Nam. Hiện lượng thịt heo của các thành viên của HTX cung cấp ra thị trường từ 500 - 700 con lợn thịt/ngày.

Mặc dù là tỉnh có ngành chăn nuôi phát triển mạnh của cả nước nhưng việc hình thành chuỗi liên kết trong chăn nuôi ở Đồng Nai còn

rất khó khăn. Nhiều trang trại nhất là các trang trại của nông hộ vẫn trong tình trạng tự mua heo giống giá rẻ, kém chất lượng, không có xuất xứ từ nhiều thương lái khác nhau, khiến dịch bệnh xuất hiện trên diện rộng, ảnh hưởng đến sức khỏe con người, gây thiệt hại cho chủ trại và làm mất uy tín của cả vùng chăn nuôi. Ngoài ra, việc kết nối các doanh nghiệp tham gia bao tiêu sản phẩm cho các trang trại gặp nhiều khó khăn do không có kế hoạch ký kết bao tiêu sản phẩm với các doanh nghiệp tiêu thụ từ thời điểm bắt đầu nhập giống; sản phẩm vẫn chủ yếu được tiêu thụ theo phương thức bán buôn qua thương lái nên hiệu quả chăn nuôi chưa cao. Bên cạnh đó, chưa xây dựng được nhãn hiệu cho sản phẩm nên chưa tạo được dấu hiệu nhận biết sản phẩm đối với người tiêu dùng dẫn đến sản phẩm chăn nuôi an toàn có nguồn gốc vẫn phải cạnh tranh thiếu lành mạnh với sản phẩm không đảm bảo chất lượng, sản lượng tiêu thụ còn thấp, chưa tác động mạnh đến người chăn nuôi để mở rộng sản xuất. Đặc biệt, người chăn nuôi cũng như các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giết mổ, chế biến, tiêu thụ sản phẩm khó tiếp cận được với các nguồn vốn vay ưu đãi của Nhà nước.

Thông qua nội dung phân tích về liên kết giữa các trang trại chăn nuôi heo ở Đồng Nai trong quá trình sản xuất kinh doanh cho thấy giữa các trang trại chăn nuôi heo chưa có sự liên kết chặt chẽ với nhau nên để tạo nên sức mạnh và chuỗi liên kết nhằm phát huy hết hiệu quả trong chăn nuôi. Liên kết chuỗi sản phẩm là giải pháp quan trọng để hạn chế các khâu trung gian, hạ giá thành, tạo sản phẩm đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, hạn chế nguy cơ dịch bệnh và có điều kiện khi cần vay vốn ngân hàng. Tuy nhiên, việc liên kết này của các trang trại chăn

nuôi heo ở Đồng Nai còn hạn chế vì còn gặp nhiều khó khăn từ liên kết giữa người chăn nuôi và nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi; liên kết khép kín từ chăn nuôi sản xuất thức ăn nuôi, giết mổ, tiêu thụ. Như vậy, các trang trại chăn nuôi heo ở Đồng Nai thiếu tính liên kết theo chuỗi sản phẩm này sẽ hạn chế khả năng hội nhập của ngành nói chung.

IV. KẾT LUẬN

Thông qua việc phân tích một số tiêu chí đánh giá khả năng cạnh tranh của các trang trại chăn nuôi heo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai cho thấy khả năng cạnh tranh của các trang trại chăn nuôi heo trên địa bàn Tỉnh còn thấp. Do đó, trước yêu cầu hội nhập quốc tế, các trang trại chăn nuôi heo của Tỉnh cần nâng cao năng lực sản xuất thông qua một số biện pháp như hạ giá thành, nâng chất lượng sản phẩm; nâng cao năng lực tiếp cận thị trường, mở rộng thị trường tiêu thụ ở nước ngoài, xác định rõ thị trường mục tiêu chiến lược; nâng cao khả năng liên kết theo chuỗi sản phẩm và khả năng thu hút các nguồn lực vào trong quá trình sản xuất nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng được những yêu cầu đặt ra của quá trình hội nhập quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Xuân Bá (2007). Khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế. *Tạp chí quản lý kinh tế*, số 12/2007.
2. Michael E. Porter. *Chiến lược cạnh tranh, lợi thế cạnh tranh & lợi thế cạnh tranh quốc gia*. Nhà xuất bản DT Books & NXB Trẻ.
3. Phạm Tất Thắng (2012). Nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam trong hội nhập quốc tế. *Tạp chí Cộng Sản*, số tháng 3/2012.
4. Nguyễn Thị Huyền Trâm (2015). *Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam trong thời kì hội nhập* (truy cập điện tử).
5. Đoàn Xuân Trúc (2015). *Hội chăn nuôi Việt Nam*. (truy cập điện tử).

ASSESS COMPETITIVENESS OF PIG BREEDING FARMS IN DONG NAI PROVINCE IN THE PROCESS OF INTERNATIONAL INTEGRATION

Tran Van Hung¹, Le Thi Mai Hương²

¹*VietNam National University of Forestry – Southern Campus*

²*College of Financial and Customs*

SUMMARY

On the basis of the theory of assess competitiveness of enterprise in the process of international integration, the article assess competitiveness of pig breeding farms in Dong Nai province is based on seven criteria. With the secondary data which was collected from organs and the primary data which was collect by directly investigating of pig farms in the study area. Research results show that, pig breeding farms in Dong Nai province with low competitiveness before international integration requirements. Therefore, the pig farms are required to promote the inherent strengths in order to increase competitiveness.

Keywords: Competitiveness, Dong Nai, international integration, pig breeding farm.

Ngày nhận bài : 06/12/2016

Ngày phản biện : 10/01/2017

Ngày quyết định đăng : 16/01/2017